

Số: /2025/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 281/TTr-SGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc xác định khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) Khu vực, địa điểm đổ thải là vùng, vị trí chỉ để chứa các vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa.

b) Vật chất nạo vét là chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa ở thể rắn, lỏng, không thuộc hoạt động nạo vét thu hồi sản phẩm.

Điều 3. Quy định về khu vực, địa điểm đổ thải

1. Khu vực, địa điểm đổ thải phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương và các quy hoạch khác có liên quan của Trung ương, địa phương; phải được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố và chấp thuận như đối với khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

2. Có vị trí thuận lợi để đảm bảo việc thu gom chất thải từ hoạt động nạo vét đường thủy nội địa và đáp ứng được các quy định pháp luật về khoảng cách an toàn đến khu vực dân cư sinh sống tập trung theo quy định. Nếu thực hiện đổ thải lên trên khu đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải được sự đồng thuận của tổ chức, cá nhân trong khu vực và đúng quy định của pháp luật.

3. Có điều kiện địa chất, thủy văn phù hợp; không nằm trong khu vực thường xuyên bị ngập sâu trong nước; không nằm ở vị trí đầu nguồn nước.

4. Đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cảnh quan, an ninh trật tự, không xâm phạm chỉ giới giao thông không làm ảnh hưởng đến đời sống, sức khỏe người dân, bảo đảm các quy định về hành lang bảo vệ công trình đường bộ, đường thủy nội địa, công trình đê điều, thủy lợi, các công trình lân cận và các quy định khác có liên quan.

5. Vị trí khu vực, địa điểm đổ thải có khoảng cách an toàn đến khu vực dân cư tập trung, trường học, bệnh viện, trung tâm văn hóa xã hội, di tích lịch sử, trung tâm công nghiệp, các nguồn nước, sông, hồ đúng quy định của pháp luật.

6. Có diện tích, sức chứa phù hợp để chứa, xử lý các vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa theo từng dự án cụ thể.

7. Có bờ bao bằng đất tự nhiên hoặc bê tông cốt thép (đảm bảo chiều cao, độ dày phù hợp với từng khu vực đổ thải), xung quanh có hệ thống lọc nước và thoát nước để hạn chế tác động xấu của vật chất nạo vét đến môi trường xung quanh, kết cấu của khu vực, địa điểm đổ thải.

Điều 4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về khu vực, địa điểm đổ thải

1. Sở Giao thông vận tải

a) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan việc thực hiện thu gom, xử lý, vận chuyển vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa đến khu vực, địa điểm đổ thải.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện thanh tra, kiểm tra công tác thu gom, xử lý, vận chuyển vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận vật chất nạo vét trên bờ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

b) Hàng năm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác quan trắc và giám sát môi trường đối với các khu vực, vị trí đổ thải theo nhiệm vụ được giao.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hướng dẫn chủ đầu tư các dự án nạo vét các công trình phục vụ giao thông đường thủy nội địa thực hiện theo đúng quy định pháp luật về đê điều, thủy lợi.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn vị trí để sử dụng làm khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa phục vụ việc công bố danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận vật chất nạo vét trên bờ; quản lý, vận hành các khu vực, địa điểm đổ thải trên địa bàn sau khi được phê duyệt.

b) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các hoạt động đổ thải vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn.

Điều 5. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đổ thải gửi văn bản đến Ủy ban nhân dân tỉnh để được chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận vật chất nạo vét trên bờ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

2. Thực hiện đổ thải đúng vị trí, khối lượng được cấp có thẩm quyền cho phép, chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về đổ thải, hoạt động bảo vệ môi trường, an toàn giao thông.

3. Chịu trách nhiệm nếu để xảy ra sự cố, vi phạm pháp luật trong hoạt động nạo vét, đổ thải theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các yêu cầu đối với công tác thi công, đổ vật chất nạo vét được quy định tại Điều 5 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 02 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VB QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Phó Chánh VP/UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- TT Tin học và Công báo;
- Lưu: VT, KTN (Ng. K)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Quách Tất Liêm

